Mã số sinh viên : 22550020

Họ và Tên : Trần Duy Tân

IE103 – QUẢN LÝ THÔNG TINBài thực hành 2.1ÔN TẬP NGÔN NGỮ SQL CƠ BẢN (Phần 1)

Phần 3. Xây dựng Functiona. Sử dụng cơ sở dữ liệu Quản lý bán hàng đã tạo ở Bài thực hành 2, thực hiện các yêu cầu sau.  
a1. Viết hàm in ra thông tin của khách hàng (HOTEN, DCHI, SODT, NGSINH, DOANHSO,  
NGDK) có mã số khách hàng (MAKH) được truyền vào.  
Thực thi với các trường hợp:  
• Truyền vào MAKH = ‘KH02’.  
• Truyền vào MAKH = ‘KH08’.  
• Truyền vào MAKH = ‘KH09’.

CREATE FUNCTION A1 (@MAKH NVARCHAR(20) )

RETURNS TABLE

AS

RETURN

SELECT HOTEN ,DCHI, SODT,NGSINH ,DOANHSO,NGDK

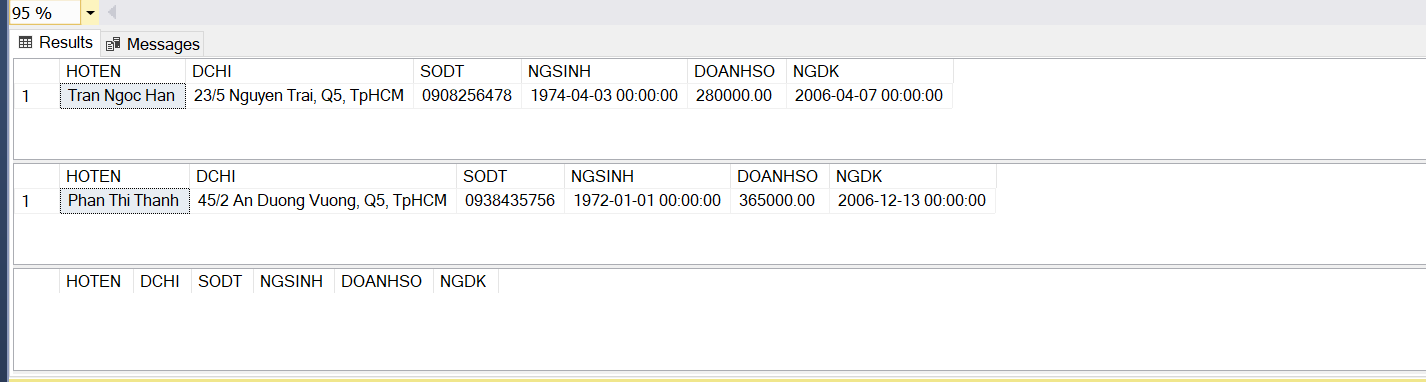
FROM KHACHHANG

WHERE MAKH = @MAKH;

SELECT \* FROM A1('KH02')

SELECT \* FROM A1('KH08')

SELECT \* FROM A1('KH09')

  
a2. Viết hàm in ra danh sách các sản phẩm (MASP, TENSP) có đơn vị tính (DVT) được truyền  
vào.  
Thực thi với các trường hợp:  
• Truyền vào DVT = ‘cay’.  
• Truyền vào DVT = ‘tui’.  
• Truyền vào DVT = ‘quyen’.

CREATE FUNCTION A2 ( @DVT NVARCHAR(20) )

RETURNS TABLE

AS

RETURN

SELECT MASP,TENSP

FROM SANPHAM

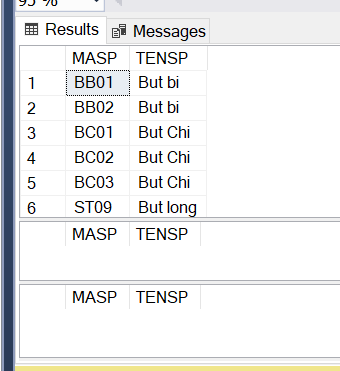
WHERE DVT = @DVT;

SELECT \* FROM A2('cay')

SELECT \* FROM A2('tui')

SELECT \* FROM A2('quen')

Go

  
a3. Viết hàm tính tổng giá trị hoá đơn mà mỗi nhân viên đã bán với mã số nhân viên (MANV)  
được truyền vào.  
Thực thi với các trường hợp:  
• Truyền vào MANV = ‘NV00’.  
• Truyền vào MANV = ‘NV02’.  
• Truyền vào MANV = ‘NV04’.

CREATE FUNCTION A3 (@MANV VARCHAR(20))

RETURNS TABLE

AS

RETURN

SELECT SUM(TRIGIA) AS TONG\_TRI\_GIA FROM NHANVIEN NV

JOIN HOADON HD ON HD.MANV = NV.MANV

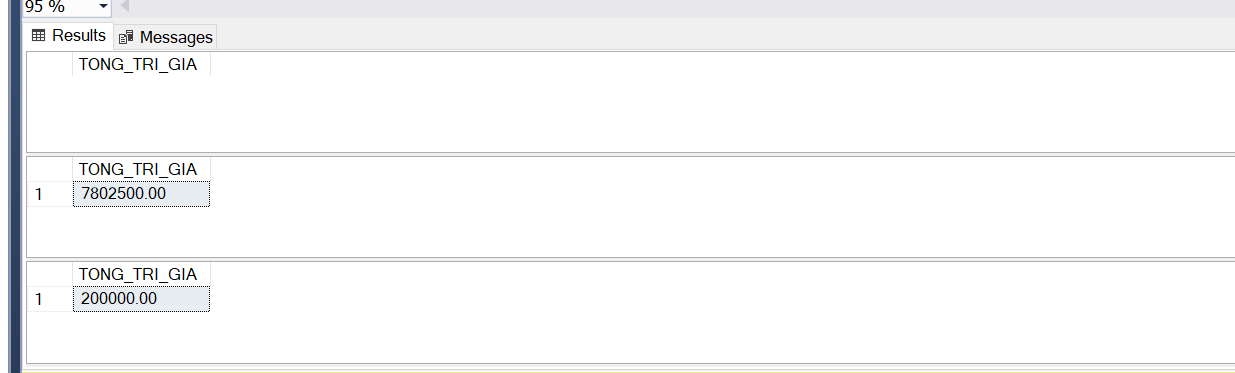
WHERE NV.MANV = @MANV

GROUP BY NV.MANV

SELECT \* FROM A3('NV00')

SELECT \* FROM A3('NV02')

SELECT \* FROM A3('NV04')

  
a4. Viết hàm đếm số lượng hoá đơn đã bán của mỗi nhân viên với mã số nhân viên (MANV)  
được truyền vào.  
Thực thi với các trường hợp:  
• Truyền vào MANV = ‘NV03’.

• Truyền vào MANV = ‘NV05’.  
• Truyền vào MANV = ‘NV10’.

CREATE FUNCTION A4 (@MANV VARCHAR(20))

RETURNS TABLE

AS

RETURN

SELECT COUNT(HD.SOHD) AS SL\_HD FROM NHANVIEN NV

JOIN HOADON HD ON HD.MANV = NV.MANV

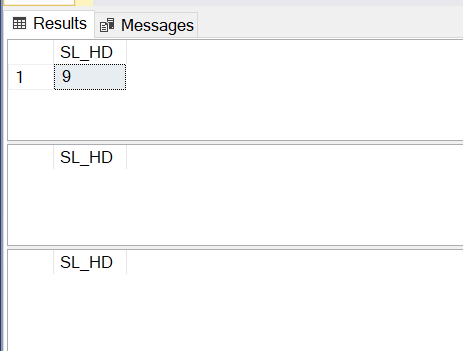
WHERE NV.MANV = @MANV

GROUP BY NV.MANV

SELECT \* FROM A4('NV03')

SELECT \* FROM A4('NV05')

SELECT \* FROM A4('NV10')

  
a5. Viết hàm đếm số lượng khách hàng có doanh số cao hơn mức doanh số (DOANHSO) được  
truyền vào.  
Thực thi với các trường hợp:  
• Truyền vào DOANHSO = 200000.  
• Truyền vào DOANHSO = 1000000.  
• Truyền vào DOANHSO = 5000000.

CREATE FUNCTION A5 (@DOANHSO INT)

RETURNS TABLE

AS

RETURN

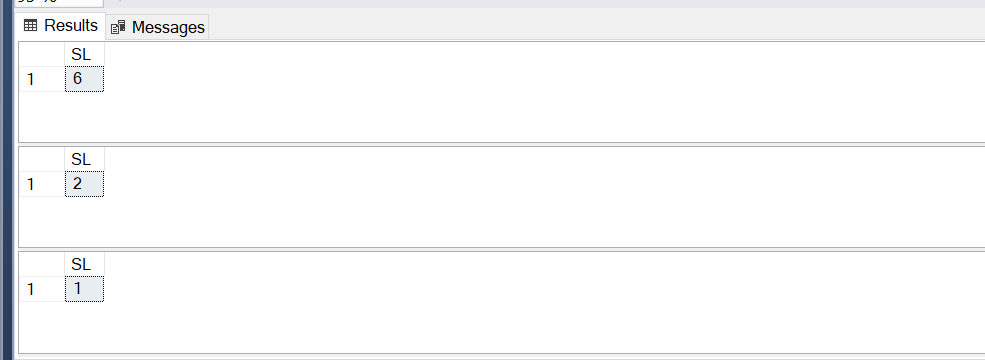
SELECT count (\*) AS SL FROM KHACHHANG

WHERE DOANHSO > @DOANHSO

SELECT \* FROM A5(200000)

SELECT \* FROM A5(1000000)

SELECT \* FROM A5(5000000)

  
a6. Viết hàm đếm số lượng sản phẩm tương ứng với nước sản xuất (NUOCSX) được truyền  
vào.  
Thực thi với các trường hợp:  
• Truyền vào NUOCSX = ‘Phap’.  
• Truyền vào NUOCSX = ‘Trung Quoc’.  
• Truyền vào NUOCSX = ‘Viet Nam’.

CREATE FUNCTION A6 (@NUOCSX VARCHAR(20))

RETURNS TABLE

AS

RETURN

SELECT COUNT (NUOCSX) as SL

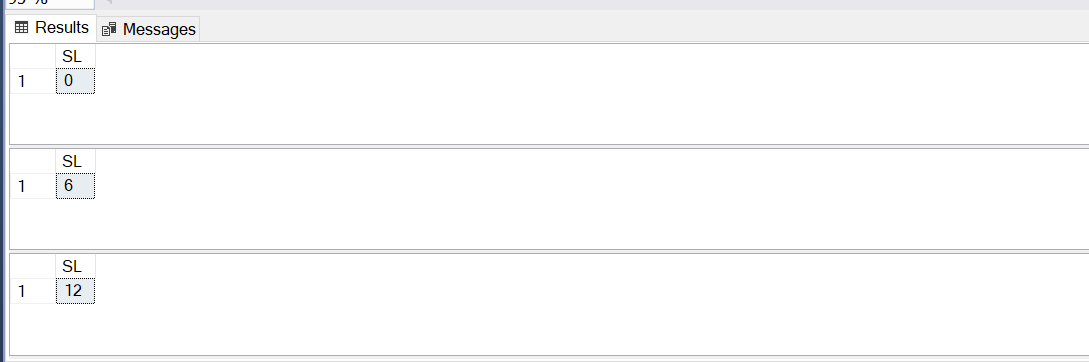
FROM SANPHAM

WHERE NUOCSX = @NUOCSX

SELECT \* FROM A6('Phap')

SELECT \* FROM A6('Trung Quoc')

SELECT \* FROM A6('vIET nam')

  
a7. Viết hàm đếm số lượng sản phẩm có giá lớn hơn mức giá (GIA) được truyền vào.  
Thực thi với các trường hợp:  
• Truyền vào GIA = 10000.  
• Truyền vào GIA = 50000.  
• Truyền vào GIA = 1000000.

CREATE FUNCTION A7 (@GIA INT)

RETURNS TABLE

AS

RETURN

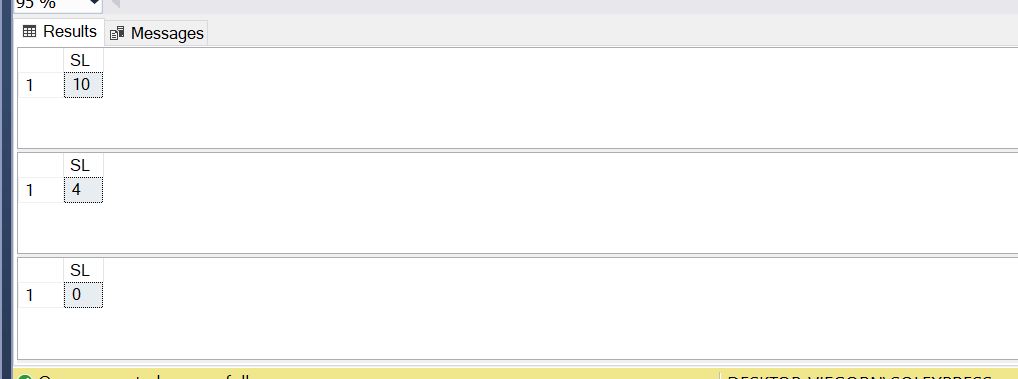
SELECT count (\*) AS SL FROM SANPHAM

WHERE GIA > @GIA

SELECT \* FROM A7(10000)

SELECT \* FROM A7(50000)

SELECT \* FROM A7(1000000)

  
a8. Viết hàm tính tổng doanh thu của cửa hàng của thời điểm (THANG và NAM) được truyền vào.

Thực thi với các trường hợp:  
• Truyền vào THANG = 10 và NAM = 2006.  
• Truyền vào THANG = 1 và NAM = 2007.  
• Truyền vào THANG = 4 và NAM = 2008.

CREATE FUNCTION A8 (@THANG INT ,@NAM INT)

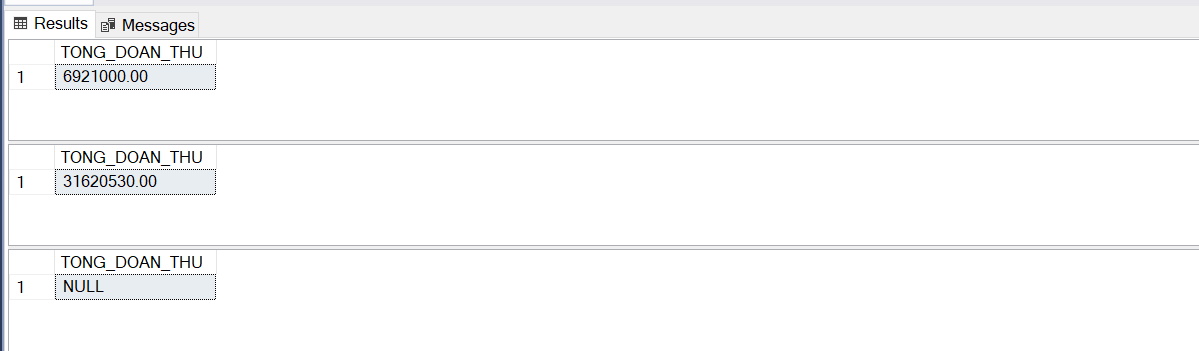
RETURNS TABLE

AS

RETURN

select SUM (TRIGIA) AS TONG\_DOAN\_THU from HOADON

where year(NGHD) = @NAM and MONTH(NGHD) =@THANG

  
a9. Viết hàm đếm số lượng sản phẩm khác nhau được bán ra trong năm (NAM) được truyền vào.  
Thực thi với các trường hợp:  
• Truyền vào NAM = 2006.  
• Truyền vào NAM = 2007.  
• Truyền vào NAM = 2008.

CREATE FUNCTION A9 (@NAM INT)

RETURNS TABLE

AS

RETURN

SELECT DISTINCT SUM(CT.SL) AS SL\_sP FROM CTHD CT

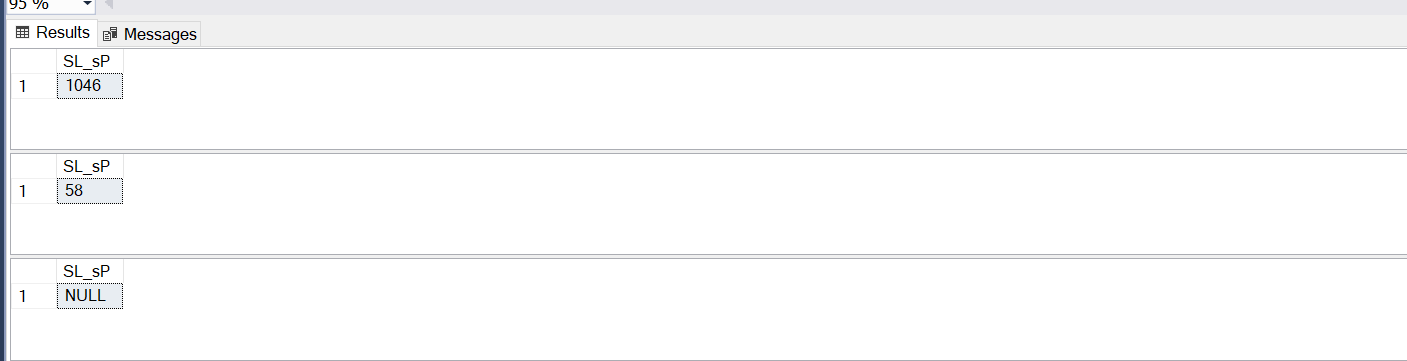
JOIN HOADON HD ON CT.SOHD = HD.SOHD

WHERE YEAR (HD.NGHD) = @NAM

SELECT \* FROM A9(2006)

SELECT \* FROM A9(2007)

SELECT \* FROM A9(2008)



a10. Viết hàm thống kê doanh thu bán hàng theo từng tháng trong năm (NAM) được truyền  
vào.  
Thực thi với các trường hợp:  
• Truyền vào NAM = 2005.  
• Truyền vào NAM = 2006.  
• Truyền vào NAM = 2007.

CREATE FUNCTION A10 (@NAM INT)

RETURNS TABLE

AS

RETURN

select SUM (TRIGIA) AS TONG\_DOAN\_THU from HOADON

where year(NGHD) = @NAM

SELECT \* FROM A10(2006)

SELECT \* FROM A10(2007)

SELECT \* FROM A1(2005)  
b. Sử dụng cơ sở dữ liệu Quản lý đề tài đã tạo ở Bài thực hành 3.1, thực hiện các yêu cầu sau.  
b1. Viết hàm in ra thông tin sinh viên (TENSV, SODT, LOP, DIACHI) có mã số sinh viên  
(MSSV) được truyền vào.  
Thực thi với các trường hợp:  
• Truyền vào MSSV = ‘13520001’.  
• Truyền vào MSSV = ‘13520005’.  
• Truyền vào MSSV = ‘13520008’.

USE QUANLYDETAI

GO

CREATE FUNCTION B\_1 (@MSSV INT)

RETURNS TABLE

AS

RETURN

SELECT TENSV, SODT, LOP, DIACHI

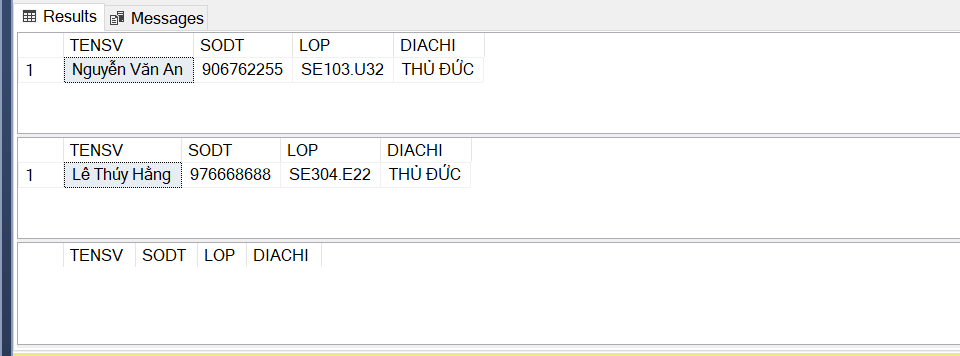
FROM SINHVIEN

WHERE MSSV = @MSSV

SELECT \* FROM B\_1(13520001)

SELECT \* FROM B\_1(13520005)

SELECT \* FROM B\_1(13520008)



b2. Viết hàm in ra danh sách sinh viên (TENSV) sinh sống tại địa chỉ (DIACHI) được truyền  
vào.  
Thực thi với các trường hợp:  
• Truyền vào DIACHI = ‘QUẬN 1’.  
• Truyền vào DIACHI = ‘THỦ ĐỨC’.  
• Truyền vào DIACHI = ‘GÒ VẤP’.

CREATE FUNCTION B\_2 (@DIACHI NVARCHAR(20))

RETURNS TABLE

AS

RETURN

SELECT TENSV

FROM SINHVIEN

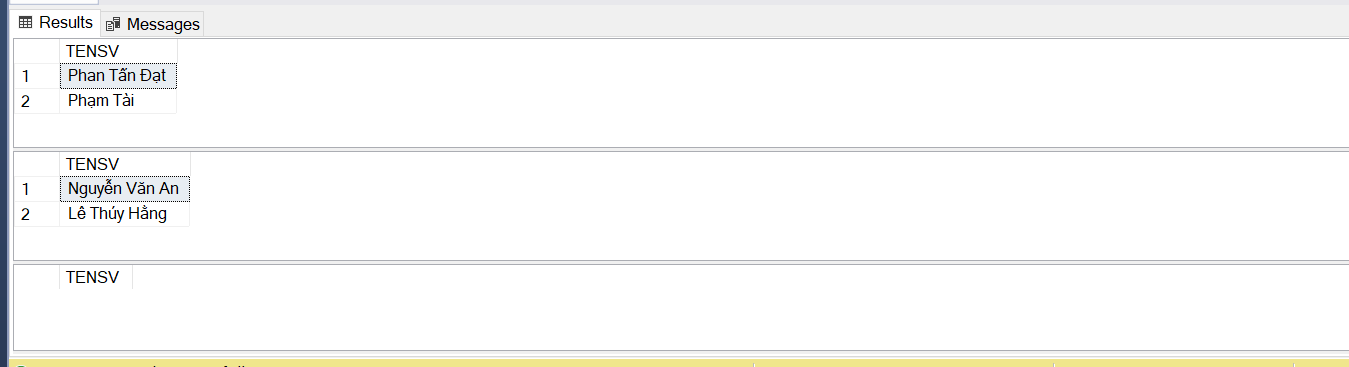
WHERE DIACHI = @DIACHI

SELECT \* FROM B\_2(N'QUẬN 1')

SELECT \* FROM B\_2(N'THỦ ĐỨC')

SELECT \* FROM B\_2(N'GÒ VẤP')

-- B3



b3. Viết hàm in ra danh sách sinh viên thực hiện đề tài (MSSV, TENSV) có mã số đề tài (MSDT)  
được truyền vào.  
Thực thi với các trường hợp:  
• Truyền vào MSDT = ‘97004’.  
• Truyền vào MSDT = ‘97005’.  
• Truyền vào MSDT = ‘97011’.

CREATE FUNCTION B\_3 (@MSDT INT)

RETURNS TABLE

AS

RETURN

SELECT TENSV, SV.MSSV

FROM SINHVIEN SV

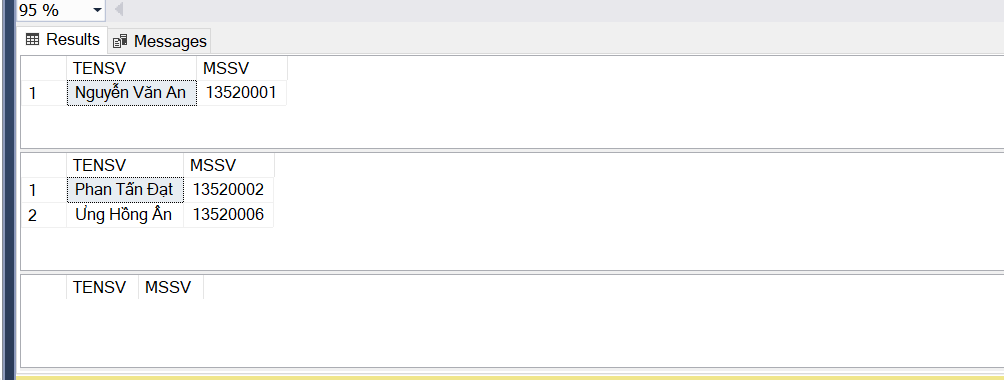
JOIN SV\_DETAI SV\_DT ON SV.MSSV = SV\_DT.MSSV

WHERE SV\_DT.MSDT = @MSDT

SELECT \* FROM B\_3 (97004)

SELECT \* FROM B\_3 (97005)

SELECT \* FROM B\_3 (97011)



b4. Viết hàm in ra danh sách giảng viên (MSGV, TENGV) có phản biện đề tài.  
CREATE FUNCTION B\_4()

RETURNS TABLE

AS

RETURN (SELECT MSGV, TENGV FROM

GIAOVIEN

WHERE MSGV not in(

SELECT gv.MSGV FROM

GIAOVIEN gv

join GV\_PBDT pb on pb.MSGV = gv.MSGV) )

select \* from B\_4()

